

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TR- NG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 / 2017/HNGĐ-ST.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

***V/v: tranh chấp hôn nhân gia
đình***

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TR- NG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thủy

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Thọ**
 2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐHPT ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L – 1977

HKTT: đường L, phường Đ, quận H, Hà Nội

Nơi cư trú: 610 CT6 khu đô thị M, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh K - sinh năm: 1972.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam số 2 Hà Nội

(Xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn được bổ sung bởi bản tự khai ngày 26/5/2017, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh K lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Trước đó chưa ai có vợ có

chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại số đường L, phường Đ, quận H, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K thường xuyên đi công tác và bận rộn với công việc nên không có thời gian dành cho gia đình. Đến tháng 7/2015 anh K bị bắt và tháng 11/2016 anh K bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 15 năm tù về tội:” Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”. Hiện anh K đang đi thi hành án tại trại giam số 2 thành phố Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung: L.N.M – sinh ngày: 06/9/2001, L.T. N – sinh ngày: 30/6/2006, sức khỏe bình thường.

Nguyện vọng của chị được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Kiên cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở và công nợ: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài các nội dung trên, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai đề ngày 14/6/2017 bị đơn anh K trình bày:

Anh và chị L lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại đường L, phường Đ, quận H, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh quá bận với công việc thường xuyên phải đi công tác xa nhà không chăm sóc được gia đình. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Đến tháng 7/2015 anh bị bắt tạm giam đến tháng 11/2016 anh bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 15 năm tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”.

Nay anh được biết chị L gửi đơn xin ly hôn ra Toà án quận Hai Bà Trưng, tôi đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: L.N.M – sinh ngày: 06/9/2001, L.T.N – sinh ngày: 30/6/2006, sức khỏe bình thường.

Do anh đang thi hành án trong trại giam không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Anh xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Vợ chồng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, anh không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác và xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Toà án cũng như tại phiên toà xét xử.

Tại phiên toà:

Chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Anh K xin vắng mặt tại phiên toà. Thẩm phán công bố lời khai của anh K tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định.

Về hướng giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L đối với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: L.N.M – sinh ngày: 06/9/2001, L.T.N – sinh ngày: 30/6/2006, sức khỏe bình thường.

Do anh K đang thi hành án trong trại giam không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung, anh K đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung nên giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Hai bên xác nhận không có không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng:

Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

2 Về nội dung

Chị L và anh K lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Trước đó chưa ai có vợ có chồng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp

Sau khi kết hôn anh chị sống tại đường L, phường Đ, quận H, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K quá bận với công việc thường xuyên phải đi công tác xa nhà không chăm sóc được gia đình. Anh chị đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Đến tháng 7/2015 anh K bị bắt tạm giam đến tháng 11/2016 anh K bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 15 năm tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”.

Như vậy, cả hai bên đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 02 con chung: L.N.M – sinh ngày: 06/9/2001, L.T.N – sinh ngày: 30/6/2006, sức khỏe bình thường.

Do anh K đang thi hành án trong trại giam không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và cũng đảm bảo quyền lợi cho các cháu phù hợp với điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Hai bên xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Ngoài ra, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác .

Về án phí: chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn anh K

Chị L được ly hôn với anh K

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: L.N. M – sinh ngày: 06/9/2001, L.T.N – sinh ngày: 30/6/2006, sức khỏe bình thường.

Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung kể từ tháng 7/2017 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh K được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Hai bên xác nhận không có không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2406 ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng
- Tòa án NDTP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thuỷ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA